

Số: 1120 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho 138 người đã tham dự các lớp đào tạo về nghiệp vụ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2017, đủ điều kiện ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 1, bậc 2 và bậc 3 của 11 nghề (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và những người có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCDN.

TUQ.BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC DẠY NGHỀ



(Signature)
Nguyễn Hồng Minh

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1120 /QĐ-LĐTĐXH ngày 15 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

1. Nghề Công nghệ ô tô.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
1	Lê Đức Đà	Công ty Than Uông Bí	100619431	1,2
2	Nguyễn Việt Cường	Công ty Than Uông Bí	100713121	1,2,3
3	Phạm Xuân Dũng	Công ty Than Đèo Nai	100874220	1,2,3
4	Đặng Cao Đệ	Công ty Than Hà Tu	100859518	1,2,3
5	Đặng Văn Lập	Công ty Than Hòn Gai	142041607	1,2,3
6	Nguyễn Hữu Tuấn	Công ty Than Khe Chàm	030066000482	1,2,3
7	Dương Công Minh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100591131	1,2,3
8	Tô Huy Lượng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	034076000447	1,2,3
9	Đỗ Văn Dũng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	151161471	1,2,3
10	Trần Vinh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	090667516	1,2,3
11	Nguyễn Thị Thanh Hào	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100711392	1,2,3
12	Nguyễn Tiến Hán	Đại học Công nghiệp Hà Nội	00106900374	1,2,3

2. Nghề Công nghệ thông tin.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
13	Ngô Đức Vĩnh	Đại học Công nghiệp Hà Nội	012962827	1,2,3

3. Nghề Điện Công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
14	Lê Hồng Sơn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	162430055	1,2,3
15	Nguyễn Minh Đức	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100794054	1,2,3
16	Trịnh Ngọc Châu	Công ty Than Đèo Nai	100995357	1,2,3
17	Đỗ Chí Dũng	Công ty Than Hà Tu	101135252	1,2,3
18	Trần Anh Dũng	Công ty Than Hà Tu	100622561	1,2,3
19	Đỗ Trung Du	Công ty Than Hòn Gai	100585577	1,2,3
20	Nguyễn Văn Quân	Công ty Than Uông Bí	101216566	1,2,3
21	Vũ Ngọc Chuyên	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100613093	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
22	Nguyễn Thị Tú	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	101305333	1,2,3
23	Phạm Thị Tâm Huyền	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	090924086	1,2,3
24	Nguyễn Thị Yến	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	090710008	1,2,3
25	Trần Minh Đường	Đại học Công nghiệp Hà Nội	011721652	1,2,3
26	Vũ Thái Giang	Đại học Công nghiệp Hà Nội	017069000002	1,2,3
27	Đỗ Văn Tuấn	Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải trung ương II	031742319	1,2,3
28	Vũ Hưng	Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải trung ương II	030959098	1,2,3

4. Nghề Điện tử Công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
29	Vũ Trung Kiên	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013305833	3

5. Nghề Giám định khối lượng và chất lượng than.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
30	Bùi Quốc Huy	Công ty Than Uông Bí	100658755	1,2
31	Đoàn Ngọc Chính	Tuyển than Cửa Ông	100763792	1,2
32	Nguyễn Thị An	Tuyển than Cửa Ông	100567119	1,2
33	Định Văn Tạo	Công ty Than Hà Tu	034078002324	1,2,3
34	Lưu Văn Hà	Công ty Than Hà Tu	100638915	1,2,3
35	Phạm Việt Hùng	Công ty Than Vàng Danh	100752159	1,2,3
36	Nguyễn Lệ Thúy	Công ty Than Hòn Gai	101064394	1,2,3
37	Phạm Văn Võ	Công ty Than Uông Bí	030079001813	1,2,3
38	Nguyễn Thị Thu Phương	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100864602	1,2,3
39	Đỗ Lan Hương	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100721972	1,2,3
40	Hà Thị Thanh Hoa	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100644693	1,2,3

6. Nghề Hàn.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
41	Nguyễn Trọng Thắng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100756289	1
42	Nguyễn Tài Tuấn	Công ty than Hà Tu	090759425	1,2
43	Phạm Thị Mai Loan	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100484536	1,2
44	Trần Trọng Lưu	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100484405	1,2
45	Trần Đức Hoàng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	090447183	1,2,3
46	Nguyễn Văn Thành	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	011866186	1,2,3
47	Nguyễn Trường Giang	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	017069000002	1,2,3
48	Giáp Văn Nang	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	024061000001	1,2,3
49	Phạm Anh Dũng	Trường cao đẳng nghề kỹ thuật công nghiệp Việt Nam Hàn Quốc	182109829	1,2,3
50	Nguyễn Sỹ Thanh	Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải trung ương II	031108660	1,2,3
51	Nguyễn Văn Tuấn	Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải trung ương II	034081003138	1,2,3
52	Lưu Văn Núi	Trường Cao đẳng nghề Giao thông Vận tải trung ương II	030797209	1,2,3

7. Nghề Kỹ thuật cơ điện mở hầm lò.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
53	Nguyễn Minh Đức	Công ty Than Hà Lâm	022084000914	1,2
54	Phạm Văn Tuyến	Công ty Than Mông Dương	100745929	1,2
55	Nhâm Sỹ Hùng	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả	100984012	1,2
56	Vũ Mạnh Hùng	Điện lực Bình Liêu	100673496	1,2
57	Nguyễn Thanh Tuấn	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	022080001136	1,2,3
58	Vũ Hùng Hải	Công ty Than Vàng Danh	022063000266	1,2,3
59	Trần Quốc Thụ	Công ty Than Dương Huy	100976483	1,2,3
60	Nguyễn Quang Hùng	Công ty Than Hạ Long	101178996	1,2,3
61	Tô Văn Phúc	Công ty Than Hồng Thái	022084001247	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
62	Phạm Văn Tuyên	Công ty Than Khe Chàm	101325362	1,2,3
63	Nguyễn Văn Hiệp	Công ty Than Quang Hanh	141985826	1,2,3
64	Lương Văn Huynh	Công ty Than Thống Nhất	100976065	1,2,3
65	Trần Hoàng Anh	Công ty Than Uông Bí	100652196	1,2,3
66	Nguyễn Thanh Quân	Công ty Than Hòn Gai	100447983	1,2,3
67	Đào Đức Tuấn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100592634	1,2,3
68	Nguyễn Quang Thắng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100776640	1,2,3
69	Trần Ngọc Quỳnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	101229077	1,2,3
70	Đỗ Ngọc Quý	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100718104	1,2,3
71	Trần Văn Dũng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	022084000495	1,2,3
72	Nguyễn Văn Mạnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	030079002152	1,2,3
73	Bùi Bá Linh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	031082004235	1,2,3
74	Đỗ Triệu Hùng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100926855	1,2,3
75	Nguyễn Minh Hùng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100628072	1,2,3
76	Lê Ngọc Lợi	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100743560	1,2,3
77	Hoàng Hữu Ái	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100528104	1,2,3
78	Đinh Đức Toàn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	090771707	1,2,3
79	Nguyễn Thị Thúy Vân	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100637275	1,2,3

8. Nghề Kỹ thuật khai thác mỏ hầm lò.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
80	Phạm Thái Hùng	Công ty Than Thống Nhất	100722551	1,2
81	Lê Văn Hải	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh	101292739	1,2
82	Lê Xuân Trường	Công ty Than Hòn Gai	101132472	1,2
83	Hoàng Văn Chính	Công ty Than Hạ Long	100709154	1,2
84	Đoàn Văn Hồng	Công ty Than Hà Lâm	142127308	1,2

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
85	Nguyễn Trung Phong	Công ty Than Mông Dương	142165319	1,2
86	Nguyễn Tiến Hùng	Công ty Than Mông Dương	022085001894	1,2
87	Trần Ngọc thế	Phòng Lao động huyện Hoành Bồ	101205828	1,2,3
88	Mai Văn Lam	Công ty Than Hồng Thái	100773810	1,2,3
89	Phạm Minh Tiến	Công ty Than Hà Lâm	100730401	1,2,3
90	Nguyễn Quang Hoàng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100729312	1,2,3
91	Nguyễn Văn Hà	Công ty Than Vàng Danh	012422018	1,2,3
92	Nguyễn Hữu Thọ	Công ty Than Dương Huy	182432550	1,2,3
93	Cù Như Quyền	Công ty Than Hạ Long	100683763	1,2,3
94	Hà Sỹ Lực	Công ty Than Hòn Gai	100623250	1,2,3
95	Phạm Quốc Trình	Công ty Than Hòn Gai	101200139	1,2,3
96	Trần Quang Tuấn	Công ty Than Khe Chàm	100705424	1,2,3
97	Đặng Minh Thành	Công ty Than Khe Chàm	100735025	1,2,3
98	Phạm Đức Phương	Công ty Than Khe Chàm	164223510	1,2,3
99	Đỗ Trọng Tấn	Công ty Than Khe Chàm	162745189	1,2,3
100	Lê Hồng Vĩ	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	101132684	1,2,3
101	Phạm Văn Đan	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	031091368	1,2,3
102	Chu Toàn Thắng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100659893	1,2,3
103	Nguyễn Thanh Hải	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100870694	1,2,3
104	Hoàng Văn Toàn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100660270	1,2,3
105	Lê Như Điền	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	145406200	1,2,3
106	Hoàng Đức Thọ	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100717761	1,2,3
107	Vũ Xuân Cao	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	022075000525	1,2,3
108	Phạm Văn Mạnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	034080003342	1,2,3
109	Nguyễn Văn Vạn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100636533	1,2,3
110	Phạm Văn Tú	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	142023177	1,2,3
111	Nguyễn Thành Lê	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100481222	1,2,3
112	Đỗ Mạnh Thắng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	019069000083	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
113	Nguyễn Xuân Huy	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	101261210	1,2,3

9. Nghề Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
114	Trần Văn Thúc	Công ty Than Vàng Danh	100714172	1,2,3
115	Nguyễn Văn Khuê	Công ty Than Thống Nhất	101132993	1,2,3
116	Phan Văn Đường	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100570784	1,2,3
117	Hoàng Văn Hiếu	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	141773539	1,2,3
118	Hoàng Xuân Hạnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	030080000815	1,2,3
119	Phan Xuân Toàn	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100705975	1,2,3
120	Nguyễn Hồng Vĩnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100724826	1,2,3
121	Phan Đình Chiến	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	142255673	1,2,3
122	Lê Văn Thịnh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	142037818	1,2,3
123	Vũ Văn Chính	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	172066228	1,2,3
124	Bùi Văn Pha	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	121594574	1,2,3
125	Phạm Xuân Thụ	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100556963	1,2,3
126	Phạm Quốc Hưng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100748863	1,2,3

10. Nghề Sửa chữa thiết bị mỏ hầm lò.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
127	Vũ Văn Toàn	Công ty Than Mông Dương	022079001231	1,2
128	Phạm Văn Kiên	Công ty Than Vàng Danh	101009929	1,2,3
129	Nguyễn Thanh Tân	Công ty Than Khe Chàm	100628095	1,2,3
130	Bùi Xuân Khánh	Công ty Than Quang Hanh	100736312	1,2,3
131	Phạm Hữu Quyết	Công ty Than Uông Bí	030084002967	1,2,3
132	Vũ Quyết Thắng	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100416362	1,2,3
133	Nguyễn Tử Linh	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	037087001414	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
134	Vũ Đức Hòa	Trường Cao đẳng Than Khoáng sản - Việt Nam	100615635	1,2,3

11. Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
135	Phạm Thế Vũ	ĐH Công nghiệp Hà Nội	026077000830	1,2,3
136	Nguyễn Đức Nam	ĐH Công nghiệp Hà Nội	013250302	1,2,3
137	Trần Mạnh Tuấn	CĐN Số 3 BQP	031084004310	1,2,3
138	Trần Phạm Tuất	CĐN Số 3 BQP	030718974	1,2,3